

Đơn vị: Trường PT DTBT Tiểu học Số 2 Sá Tổng
Bộ phận:
Mã QHNS: 1098657

Mẫu số: C53 – HD
Ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC Ngày
17/04/2024 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TSCĐ

Thời điểm kiểm kê: 8 giờ 30 ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: Nguyễn Văn Bằng	Chức vụ: Phó hiệu trưởng	Đại diện: Trưởng ban
- Ông/Bà: Lò Thị Chuyển	Chức vụ: Phó hiệu trưởng	Đại diện: Phó ban
- Ông/Bà: Đinh Bá Tùng	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Thư ký
- Ông/Bà: Hà Thị Thu Trang	Chức vụ: Tổ trưởng tổ chuyên môn 1	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Cà Quý Văn	Chức vụ: Tổ trưởng tổ chuyên môn 2,3	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Đào Thị Hà	Chức vụ: Tổ trưởng tổ chuyên môn 4,5	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Bùi Văn Điền	Chức vụ: Bí thư chi đoàn	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Mào Văn San	Chức vụ: Tổ trưởng tổ Văn phòng	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Lò Thị Huyền	Chức vụ: Kế toán	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Nguyễn Tiến Hoàng	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Khoàng Thị Hương	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Quàng văn Sơn	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ủy viên
- Ông/Bà: Lò Việt Dũng	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
1	Nhà ở bán trú + nhà vệ sinh	Nhà ở bán trú + nhà vệ sinh	Trường PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	410.000.000	300.612.000	1	410.000.000	300.612.000				
2	Máy tính cây 2023	Máy tính cây 2023	Trường PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	15.000.000	6.000.000	1	15.000.000	6.000.000				
3	Máy tính để bàn	MTĐB	Trường PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	14.650.000	2.930.000	1	14.650.000	2.930.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	

A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
4	Máy chiếu đa năng	máy chiếu1	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	51.760.000	10.352.000	1	51.760.000	10.352.000				
5	Máy chiếu đa năng	máy chiếu2	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	51.760.000	10.352.000	1	51.760.000	10.352.000				
6	Máy chiếu vật thể	máy chiếu	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	32.300.000	6.460.000	1	32.300.000	6.460.000				
7	Đàn Organ giáo viên	đàn	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	13.100.000	3.602.500	1	13.100.000	3.602.500				
8	Loa Trợ Giảng 2023	Loa2023	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	12.500.000	5.000.000	1	12.500.000	5.000.000				
9	Phần mềm quản lý dạy học	PMBM2	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	20.000.000	4.000.000	1	20.000.000	4.000.000				
10	TIVI	tivi1	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	10.500.000	2.100.000	1	10.500.000	2.100.000				
11	TIVI	tivi2	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	10.500.000	2.100.000	1	10.500.000	2.100.000				
12	TIVI	tivi3	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	10.500.000	2.100.000	1	10.500.000	2.100.000				
13	Camera Dome	CAM	Trưởng PT DTBT TH số 2 Sá Tổng	1	13.419.040	3.354.760	1	13.419.040	3.354.760				
14	Máy tính phòng tin học 2023	Máy tính phòng tin 2023	Phòng Tin Học	1	14.500.000	5.800.000	1	14.500.000	5.800.000				
15	Máy tính phòng tin học 2023	Máy tính phòng tin 20231	Phòng Tin Học	1	14.500.000	5.800.000	1	14.500.000	5.800.000				
16	Máy tính phòng tin học 2023	Máy tính phòng tin 20232	Phòng Tin Học	1	14.500.000	5.800.000	1	14.500.000	5.800.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
17	Máy tính phòng tin học 2023	Máy tính phòng tin 20233	Phòng Tin Học	1	14.500.000	5.800.000	1	14.500.000	5.800.000				

18	Bàn sơ chế thức ăn 2024	Bàn sơ chế TP	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	10.250.000	7.687.500	1	10.250.000	7.687.500				
19	Bộ micro điện tử không dây	MCR	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	13.250.000	10.600.000	1	13.250.000	10.600.000				
20	Cầu môn bóng đá cho GV và HS	CMBD	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	14.330.000	12.538.750	1	14.330.000	12.538.750				
21	Dù che bạt nhựa	Duche	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	33.550.000	29.356.250	1	33.550.000	29.356.250				
22	Loa hội trường, sân khấu ngoài trời	Loahoitruong	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	34.990.000	27.992.000	1	34.990.000	27.992.000				
23	Loa hội trường, sân khấu ngoài trời	Loahoitruong 1	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	34.990.000	27.992.000	1	34.990.000	27.992.000				
24	Loa trợ giảng 2025	Loatrogiang	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	13.500.000	10.800.000	1	13.500.000	10.800.000				
25	Máy bơm nước 2024	Máy bơm nước2024	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	12.000.000	9.000.000	1	12.000.000	9.000.000				
26	Máy chiếu đa năng 2024	MC 2024	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	34.950.000	20.970.000	1	34.950.000	20.970.000				
27	Máy tính xách tay 2024	máy tính xách tay 2024	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	14.900.000	8.940.000	1	14.900.000	8.940.000				
28	Máy tính xách tay Dell 2024.2	Máy tính xách tay 2024.2	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	14.900.000	8.940.000	1	14.900.000	8.940.000				
29	Nhà ăn bán trú	Nhà ăn bán trú	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	400.000.000	346.640.000	1	400.000.000	346.640.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
30	Tăng âm hội trường, sân khấu ngoài trời 2024	Tăng âm hội trường	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	21.650.000	12.990.000	1	21.650.000	12.990.000				
31	Tăng âm hội trường(Âm ly)	Amly	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	24.990.000	19.992.000	1	24.990.000	19.992.000				
32	Thư viện xanh	Thư viện xanh	Trưởng PT DTBT Tiểu học số 2 Sả Tòng	1	60.800.000	52.689.280	1	60.800.000	52.689.280				

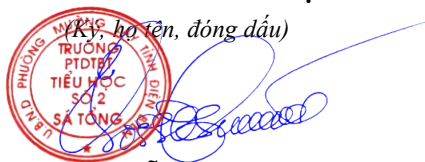
33	Tủ bảo quản thực phẩm (Tủ cấp đông)2024	Tủ lạnh 2024	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	11.650.000	6.990.000	1	11.650.000	6.990.000				
34	Tủ bảo quản thực phẩm (Tủ cấp đông)2024	Tủ lạnh 2024.1	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	11.650.000	6.990.000	1	11.650.000	6.990.000				
35	Máy chiếu 2023	Máy chiếu 2023	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	31.550.000	12.620.000	1	31.550.000	12.620.000				
36	Máy chiếu 2023	Máy chiếu 2023 2	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	31.550.000	12.620.000	1	31.550.000	12.620.000				
37	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	PMKĐCL	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	19.900.000	7.960.000	1	19.900.000	7.960.000				
38	Phần mềm Cegov	PM01	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng	1	10.000.000		1	10.000.000					
39	Nhà Điểm bán HML (02 phòng học, 01 phòng ăn nội trú, 02 nhà vệ sinh HS, 02 nhà VS công vụ)	Nha HML	Điểm trường Háng Mò Lừ	1	578.989.000	424.514.736	1	578.989.000	424.514.736				
40	Năng lượng mặt trời	NLMT	Điểm trường Háng Mò Lừ	1	25.000.000	12.500.000	1	25.000.000	12.500.000				
41	Téch nước	Téch	Điểm trường Háng Mò Lừ	1	11.300.000	5.650.000	1	11.300.000	5.650.000				
42	Máy lọc nước	máy lọc nước	Điểm trường Háng Mò Lừ	1	10.800.000	2.160.000	1	10.800.000	2.160.000				
43	Phần mềm Bummas	PMBM	Phòng kế toán	1	14.000.000	2.800.000	1	14.000.000	2.800.000				
44	Phần mềm tính lương Salagov	PBM1	Phòng kế toán	1	10.000.000	2.000.000	1	10.000.000	2.000.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
45	Bàn ghế đọc sách thư viện	bàn ghế	Phòng thư viện	1	13.300.000	6.650.000	1	13.300.000	6.650.000				
46	Nhà lớp học trung tâm	NLHTT	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	14.567.096.000	8.738.800.889	1	14.567.096.000	8.738.800.889				
47	Máy Photocopy	MPTOCOPY	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	59.950.000		1	59.950.000					
48	Máy lọc nước tinh khiết	TĐ4	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	22.180.000		1	22.180.000					
49	Trống đội thiếu nhi	TĐ	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	16.777.000	2.516.550	1	16.777.000	2.516.550				
50	Giá thiết bị 2 khoang	GTB2018	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	10.637.000		1	10.637.000					
51	Giá thiết bị 2 khoang	GTB2019	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	10.637.000		1	10.637.000					

52	Đất bán Điem trường Trung Ghênh	Đất 01	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	14.000.000	14.000.000	1	14.000.000	14.000.000				
53	Đất Bán Sá Tổng	Đất 03	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	12.369.000	12.369.000	1	12.369.000	12.369.000				
54	Đất biển háng Lìa	Đất 02	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	31.080.000	31.080.000	1	31.080.000	31.080.000				
55	Điem trường Dê Da – Xã Sá Tổng – Huyện Mường Chà – Tỉnh Điện Biên	Đất 04	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	68.540.000	68.540.000	1	68.540.000	68.540.000				
56	Điem trường Háng Dù – Xã Sá Tổng – Huyện Mường Chà – Tỉnh Điện Biên	Đất 06	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	28.560.000	28.560.000	1	28.560.000	28.560.000				
57	Điem trường Háng Mò Lừ – Xã Sá Tổng – Huyện Mường Chà – Tỉnh Điện Biên	Đất 07	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	26.600.000	26.600.000	1	26.600.000	26.600.000				
58	Điem trường trung tâm Bán Xá Ninh – Xã Sá Tổng – Huyện Mường Chà – Tỉnh Điện Biên	Đất 08	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	690.000.000	690.000.000	1	690.000.000	690.000.000				
59	Điem trường Xá Ninh – Xã Sá Tổng – Huyện Mường Chà – Tỉnh Điện Biên	Đất 05	Trường tiểu học số 2 Sá Tổng	1	59.340.000	59.340.000	1	59.340.000	59.340.000				
	Cộng			59	17.860.494.040	11.164.552.215	59	17.860.494.040	11.164.552.215				

Ý kiến giải quyết số chênh lệch:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Thị Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Lò Thị Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Bằng